**CLASS**

1. **Khai báo và khởi tạo**
   1. Khai báo:

* Sử dụng keyword: class
* Có 2 kiểu khai báo:

|  |  |
| --- | --- |
| Không có constructor chính và phần thân | Có constructor chính và phần thân |
| VD: class Person | VD: class Person constructor(name: String){……}  Note: Nếu constructor chính (primary constructor) không có định nghĩa quyền truy cập: public, private,…. Thì khai báo:  VD: class Person(name: String){…} |

* 1. Khởi tạo:
* Không cần sử dụng từ khóa new như java

VD: val person = Person()

1. **Các thành phần trong class**

Một class có thể bao gồm:

* Construtor và khối khởi tạo ( block init).
* Các hàm
* Các thuộc tính
* Object
  1. Constructor và block init
     1. Constructor
* 1 class có thể bao gồm 1 constructor chính (primary constructor) và một số constructor phụ (secondary constructor)

1. Constructor chính:

Được khai báo ngay ở phần tiêu đề của class

VD: class Person(name: String){…}

Constructor chính

1. Constructor phụ

* Được khai báo trong thân class

VD:

class Person {

var children: MutableList<Person> = mutableListOf<Person>();

constructor(parent: Person) {

parent.children.add(this)

}

}

* Nếu class có constructor chính, constructor phụ phải tham chiếu đến nó thông qua từ khóa this

VD:

class Person(val name: String) {

var children: MutableList<Person> = mutableListOf<Person>();

constructor(name: String, parent: Person) : this(name) {

parent.children.add(this)

}

}

* + 1. Block init
* Nằm trong thân class, gồm các lệnh được thực hiện ngay sau khi khởi tạo object của class

VD:

init{

println(“Hello”)

}

* 1. Thuộc tính và hàm
     1. Thuộc tính: được khai báo ngay trong constructor chính

VD: class Person(name: String){…} -> name: thuộc tính

* + 1. Hàm: khai báo trong thân class

VD:

class Person(id: Int, name: String){

fun in(){

println(“$name”)

}

}

**Note: Nguồn tham khảo:**

<https://kotlinlang.org/docs/reference/classes.html>

<https://cungdev.com/lop-thuoc-tinh-va-phuong-thuc/>